

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày: 05/9/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn

2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp – Thư ký TAND huyện Cần Đước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2019/TLST-HS ngày 19/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 09/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 28/8/2019, đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C; Nghề nghiệp: Thợ xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ Danh Việt T, con 03 người, người con lớn nhất sinh năm 2006, người con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện H, Tp.HCM.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Danh Việt T, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn M là người quản lý công trình xây dựng cho anh Nguyễn Xuân L. Vào khoảng 15 giờ ngày 31/01/2019 sau khi làm xong công trình anh L rủ M cùng các công nhân khác đi nhậu tại khu vực ấp L, xã L. Sau khi nhậu, anh L có lấy tiền trong cốp xe mô tô hiệu Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 60B5-944.72 do anh L đứng chủ sở hữu để trả tiền lương thợ và tiền quán nên M nhìn thấy tiền. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh L đưa chìa khóa xe cho bị cáo M để điều khiển xe chở anh L về nhà trọ. Khi về đến nhà trọ cũng thuộc khu vực ấp L, xã L, bị cáo M dựng xe ở khu vực để xe của nhà trọ, lúc này anh L yêu cầu bị cáo dọn dẹp phòng trọ, còn anh L đi tặng quà cho chủ nhà trọ và đi đến công trình xây dựng gần đó. Một lúc sau, bị cáo M nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong cốp xe của anh L để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Lúc này, M thấy anh L đang tưới nước bảo dưỡng bê tông nền của công trình nên không đề phòng, M lén lấy chìa khóa xe và liền đi tới khu vực để xe, mở khóa và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60B5-944.72 ra khỏi phòng trọ chạy thoát. M điều khiển xe chạy đến khu vực tỉnh Bình Dương thì dừng xe lại ở ven đường, M mở cốp xe lấy tiền đựng trong túi nylon màu đen bỏ vào túi quần và bỏ xe lại, chìa khóa ném xuống bãi cỏ bên lề đường (không rõ địa chỉ) nên xe không thu hồi được. Sau đó, M đi bộ và thuê xe ôm đến Bình Dương để đón xe khách về Thành phố C thuê nhà nghỉ. Khi vào nhà nghỉ M lấy gói tiền ra kiểm tra được 177.000.000đồng.

Số tiền bị cáo M chiếm đoạt được từ anh L, bị cáo sử dụng vào việc: Mua 01 ĐTDĐ hiệu Nokia trị giá 420.000 đồng, trả nợ thông qua dịch vụ chuyển tiền cho những người bị cáo chỉ biết tên nhưng không biết địa chỉ cụ thể gồm: anh C số tiền 50.000.000 đồng, anh Đ số tiền 40.000.000 đồng (C và Đ đều ở Đ); anh Đ ở Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 30.000.000 đồng và Danh Việt T là vợ của bị cáo số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 6.580.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đến cơ quan Công an trình diện.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cần Đức kết luận: 01 xe mô tô hiệu Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 60B5-944.72 có giá trị là 22.050.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Trần Văn M khai nhận hành vi như trên và xác định những lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Đức là do bị cáo tự khai ra; không bị bắt kỳ ai hướng dẫn, ép cung hay bức cung để khai nhận hành vi phạm tội; lời khai của bị cáo đúng với diễn biến của sự việc mà bị cáo đã gây ra đối với người bị hại.

Người bị hại anh Nguyễn Xuân L trình bày: Đối với toàn bộ tài sản bị mất thì không thu hồi được nhưng đến nay bị cáo cùng người thân đã bồi thường được số tiền 36.000.000đồng. Anh L yêu cầu bị cáo M có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho anh L số tiền còn lại là 163.050.000đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xét xử bị cáo có mức hình phạt thấp nhất.

Bản cáo trạng số: 20/CT-VKSCĐ ngày 18/6/2019, của VKSND huyện Cần Đức, đã truy tố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ

nguyên quan điểm đã truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b và s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Văn M có mức án tù từ 02 đến 03 năm tù.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền là 36.000.000đồng. Anh L yêu cầu bị cáo M có trách nhiệm tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 163.050.000đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị cáo Trần Văn M đồng ý với tội danh như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Bị cáo và người bị hại không có tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo cùng người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hội đồng xét xử xét: Lời khai nhận của bị cáo Trần Văn M tại phiên tòa phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường của vụ án và Kết luận định giá. Hơn nữa, vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại cơ quan Cảnh sát điều tra.

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Trần Văn M là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Khi bị cáo đi uống rượu chung với anh Nguyễn Xuân L và biết được anh L có số tiền đang cất giữ trong cốp xe mô tô biển số 60B5-94472. Đến khoảng 19 ngày 31/01/2019, bị cáo M được anh L nhờ điều khiển xe chở về nhà trọ thuộc ấp L, xã L, bị cáo M dùng chìa khóa mở cửa phòng để dọn dẹp trong đó có chìa khóa xe mô tô của anh L, còn anh L đi tặng quà cho chủ nhà trọ và đi lại công trình. Lúc này, bị cáo M nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền có bên trong cốp xe của anh L, nên bị cáo lén lấy chìa khóa xe và đi đến khu vực để xe, sử dụng chìa khóa mở khóa xe

chạy thoát. Hành của bị cáo M chiếm đoạt tài sản của người bị hại là thể hiện sự lén lút, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 199.050.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và được quy định như sau: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

....2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 đến 07 năm:

....
c. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”.

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức đã truy tố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Tội phạm do bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo và người thân đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; cha và mẹ của bị cáo là người có công với đất nước, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên chấp nhận áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo đề nghị của Viện kiểm sát để xem xét đối với bị cáo.

[5]. Xét mức hình phạt, loại hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng nên ghi nhận xem xét.

[6]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng”*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Đối với chị Danh Việt T là vợ của bị cáo có nhận số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo chuyển qua tài khoản, nhưng không biết đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý chị T là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

[8.1]. Sau khi vụ việc bị phát hiện và cho đến nay bị cáo M cùng người thân trong gia đình đã bồi thường cho anh Nguyễn Xuân L số tiền 36.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh L yêu cầu bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho anh L là 163.050.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều

584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự, nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền trên cho anh L.

[8.2]. Đối với anh Trần Hoàng A đã bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo số tiền là 30.000.000 đồng, qua lời khai của anh Hoàng A có trong hồ sơ vụ án không yêu cầu xem xét số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên không tự thỏa thuận với nhau được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[9]. Án phí: Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; các Điểm b và s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn M** 02(Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 13/7/2019.

[3]. Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn M 45 (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/9/2019 để đảm bảo việc thi hành án.

[4]. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Văn M.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn M có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Xuân L số tiền là 163.050.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[6]. Án phí:

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.152.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, để sung công quỹ Nhà nước.

[7]. Bị cáo và người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[8]. Về hướng dẫn thi hành án: “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Công An huyện Cần Đước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung